

Bản án số: 53/2026/HS-ST
Ngày 16-3-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Cao Thị Hạ

Bà Nguyễn Thị Luyến

- **Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Bà Nguyễn Thu Trang - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Bà Lê Thị Trang và bà Đỗ Thị Diễm H - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2026/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 02 năm 2026, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị P, sinh năm 1952 tại Hải Phòng; tên gọi khác: **Nguyễn Thị Hạnh P**; Số CCCD: 031152014407. Nơi thường trú: **Số C đường N, phường A, thành phố Hải Phòng**; nơi ở hiện nay: **Số F phố S, phường D, thành phố Hải Phòng**; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Văn G** và bà **Đoàn Thị N** (đều đã chết); có chồng là **Đào Tiến T** (đã ly hôn) và có 04 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ từ ngày 21 tháng 10 năm 2025 đến ngày 30 tháng 10 năm 2025 chuyển tạm giam; có mặt.

- **Bị hại:**

1. Chị **Nguyễn Thị Vinh H1**, sinh năm 1976; nơi ở hiện nay: **Tổ H phường L, thành phố Hải Phòng**; vắng mặt.

2. Chị **Đinh Phương C**, sinh năm 1982; nơi ở hiện nay: **Xã M, thành phố Hà Nội**; vắng mặt.

3. Chị **Đoàn Thu L** (tức **T1**), sinh năm 1982; nơi ở hiện nay: **Xã A, phường A, Hải Phòng**; vắng mặt.

- Người làm chứng:

Anh Đào Tiến Đ, vắng mặt.

Chị Phạm Thị Bích L1, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2000, Nguyễn Thị P thường xuyên sống và làm việc tại Trung Quốc. Tháng 11 năm 2000, P nhiều lần về Việt Nam và bàn bạc với con trai là Đào Tiến Đ cùng vợ là Phạm Thị Bích L1 về việc đưa phụ nữ Việt Nam trẻ, đẹp sang Trung Quốc làm việc cho P với giá 3.000 nhân dân tệ/01 người. Năm 2003, Đ và L1 đã hai lần đưa 03 người phụ nữ từ thành phố Hải Phòng sang nhà P ở tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Do quen biết từ trước nên Đ và L1 đã gặp và thỏa thuận với chị Đoàn Thu L (tức “T1”), và chị Đinh Phương C về việc dẫn L và C đến gặp Nguyễn Thị P là mẹ đẻ của Đ đang sống ở tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc để làm gọi đầu, đảm lưng thư giãn với mức lương cao thì chị L, chị C đồng ý. Sau đó, Đ gọi điện thoại thông báo cho P biết việc đưa chị L, C sang Trung Quốc bán thì P đồng ý.

Chiều ngày 21 tháng 02 năm 2003, Đào Tiến Đ và Phạm Thị Bích L1 đưa các chị Đoàn Thu L và chị Đinh Phương C từ thành phố Hải Phòng đi tàu thủy đến thành phố M, tỉnh Quảng Ninh. Tại đây, Đ, L nhờ một người đàn ông tên D (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) đưa qua biên giới sang Trung Quốc rồi đi xe ô tô khách tới nhà P ở tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc. Sau đó, Đ giao chị L, chị C cho P rồi quay về Việt Nam để đưa tiếp 01 người phụ nữ khác sang thì được P trả trước cho 3000 nhân dân tệ.

Lần thứ hai: Bằng phương thức và thủ đoạn như lần thứ nhất, hứa hẹn sang Trung Quốc làm việc với mức lương cao, ngày 28 tháng 02 năm 2003, Đ đưa chị Nguyễn Thị Vinh H1, sang Trung Quốc bán cho P.

Tại nhà P ở Trung Quốc, Đ đòi P thanh toán hết số tiền bán 03 người là 11.000 nhân dân tệ (trong đó giá bán chị L, chị C là 6000 nhân dân tệ; giá bán chị H1 là 5000 nhân dân tệ) thì P không đồng ý nên hai bên xảy ra cãi nhau. Đ đập phá một số tài sản nhà P. Sau đó, Đ cùng Phạm Thị Bích L1 dẫn chị L1, chị C, chị H1 ra bến xe cách nhà P khoảng 05 đến 07 km về Việt Nam với ý định không bán nữa. Khoảng 30 phút sau, P cho người gọi Đ, L1 quay lại nhà P. Tại đây, P đồng ý trả cho vợ chồng Đ, L1 tổng số tiền là 11.000 nhân dân tệ nhưng trừ 120 nhân dân tệ do Đ đập phá tài sản tại nhà P và 3.000 nhân dân tệ mà P đã trả cho Đ trước đó. Đ đồng ý thì P đưa cho Đ và L1 số tiền còn lại là 7.880 nhân dân tệ. Ngày hôm sau, Đ cùng L1 quay về Việt Nam còn chị L1, chị H1, chị C ở lại nhà P ở Trung Quốc làm việc. Đến ngày 16 tháng 7 năm 2003, lợi dụng sơ hở khi cùng P trở về Việt Nam, chị Đoàn Thị L2, chị Đinh Phương C đã đến Công an thành phố H tố cáo hành vi mua bán phụ nữ của Đ, L2 và Nguyễn Thị P.

Ngày 19 tháng 9 năm 2003, **Đào Tiên Đ** và **Nguyễn Thị Bích L3** bị bắt tạm giam.

Tại Bản án số 192/2004/HSST ngày 22 tháng 6 năm 2004 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng, xử phạt bị cáo **Đào Tiên Đ** 08 năm tù về tội ‘Mua bán phụ nữ’, quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo **Phạm Thị Bích L1** 05 năm tù về tội ‘Mua bán phụ nữ’, quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đối với **Nguyễn Thị P** bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan điều tra ra Quyết định truy nã. Ngày 21 tháng 10 năm 2025, **Nguyễn Thị P** bị bắt truy nã tại **số C đường H, phường A, thành phố Hải Phòng**. Tại Cơ quan điều tra, **P** đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung trên.

Vật chứng của vụ án: Không.

Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án số 192/2004/HSST ngày 22 tháng 6 năm 2004 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng. Các bị hại không có yêu cầu, đề nghị bồi thường khác.

Tại Bản Cáo trạng số 44/CT-VKS-P2 ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo **Nguyễn Thị P** về tội ‘Mua bán phụ nữ’ quy định điểm d, đ, e khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự;

Tại phiên tòa, bị cáo **Nguyễn Thị P** khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng.

Tại phần tranh luận, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d, đ, e khoản 2 Điều 150; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị P. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Thị P phạm tội ‘Mua bán người’. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P từ 09 năm đến 10 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu bồi thường gì khác. Đã được giải quyết tại bản án số 192/2004/HSST ngày 22 tháng 6 năm 2004 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an thành phố H**, Điều tra viên, Viện **Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng**, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

[2.1] Vì mục đích lợi nhuận, bị cáo Nguyễn Thị P đã bàn bạc với con trai là Đào Tiến Đ và con dâu Phạm Thị Bích L1 đưa phụ nữ Việt Nam trẻ, đẹp sang nhà P tại tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc bán cho P để lấy tiền. Trong các ngày 21 tháng 02 năm 2003 và ngày 28 tháng 02 năm 2003, Đào Tiến Đ và Phạm Thị Bích L1 đã đưa các chị Đoàn Thu L, Đinh Phương C và Nguyễn Thị Vinh H1 từ thành phố Hải Phòng đến M, tỉnh Quảng Ninh rồi đưa sang tỉnh Quảng Đông, Trung Quốc bán cho P với giá 11.000 nhân dân tệ (khoảng 20 triệu đồng).

[2.2] Bị cáo Nguyễn Thị P nhận thức việc bàn bạc với con trai là Đào Tiến Đ cùng vợ là Phạm Thị Bích L1 để đưa ba bị hại là phụ nữ ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sang Trung Quốc để mua, bán kiếm lời là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi nhuận vẫn thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm nhân phẩm, danh dự, quyền tự do của người khác, đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán người”. Thời điểm bị cáo phạm tội từ năm 2000 nên do Bộ luật Hình sự năm 1999 điều chỉnh. Tuy nhiên Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định hình phạt đối với tội “Mua bán người” có khung hình phạt nhẹ hơn Bộ luật Hình sự năm 1999 nên theo nguyên tắc có lợi cho bị cáo, hành vi “Mua bán người” của bị cáo P được áp dụng theo Điều 150 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt: Trong khoảng thời gian ngắn, bị cáo Nguyễn Thị P đã có hai lần đưa ba bị hại ra khỏi biên giới của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nên phải chịu tình tiết định khung quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự bị cáo đã trên 70 tuổi là người già nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, o khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị P là nghiêm trọng. Bị cáo Đào Tiến Đ đã bị xử phạt 08 năm tù về tội “Mua bán phụ nữ”, quy định tại điểm d, đ, e khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999; bị cáo Phạm Thị Bích L1 bị xử phạt 05 năm tù về tội “Mua bán phụ nữ”, quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 119 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó, đối với bị cáo Nguyễn Thị P là người chủ mưu, bàn bạc việc mua bán người với Đào Tiến Đ và Phạm Thị Bích L1; sau khi phạm tội đã bỏ trốn, có quyết định truy nã gây khó khăn cho việc điều tra, xét xử vụ án nên cũng cần có hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo khỏi xã hội

một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục ý thức chấp hành pháp luật và cần áp dụng mức hình phạt cao hơn bị cáo **Đào Tiến Đ** mới tương xứng với vai trò phạm của bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: không có.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo **Nguyễn Thị P** là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Áp dụng điểm d, đ, e khoản 2 Điều 150; điểm s, o khoản 1 Điều 51; Điều 38, của Bộ luật Hình sự năm 2015

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị P** phạm tội “Mua bán người”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị P** 10 (mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 21 tháng 10 năm 2025.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo **Nguyễn Thị P** được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo **Nguyễn Thị P** có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, các bị hại có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014./.

THÀNH PHẦN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Luyên

Cao Thị Hạ

Đặng Hồ Diệp

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TANDTC;
- Viện Công tố & KSXXPT VKSNDTC;
- Vụ 1 - TANDTC
- VKSND TP Hải Phòng;
- PV06, PC10 Công an TP.Hải Phòng;
- THADS TP. Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Phòng GD, KT, TT & THA;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Hồ Điệp

